TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Ký

Bà Vũ Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2016/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Hương lộ A, ấp B, xã BL, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2016, các bản khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Công T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1988 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XĐ, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyển số 02 ngày 18/4/1988, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Ông T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh

sống tại ấp B, xã BL, huyện VC, tỉnh Đồng Nai từ năm 2003 đến nay. Từ khi ông T bỏ đi đến nay, vợ chồng bà không còn liên lạc với nhau, ông T chỉ giữ liên lạc với con. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Công T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh năm 1989 và Huỳnh Thanh H, sinh năm 1990. Hiện nay các con chung đã thành niên và có công việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Công T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; Tòa án đã thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng ông Huỳnh Công T không giao nộp. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt nên không có lời khai của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Công T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Hương lộ A, ấp B, xã BL, huyện VC, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Công T nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Ly hôn".

[3] Bị đơn ông Huỳnh Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định.

* *Về nội dung*:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Huỳnh Công T chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XĐ, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyển số 02 ngày 18/4/1988, căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 hôn nhân của bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Huỳnh Công T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết N là có cơ sở chấp nhận bởi vì: vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Theo kết quả xác minh ngày 09/5/2017 tại Ủy ban nhân dân phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai thì vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay do ông T thiếu nợ nhiều nên đã bỏ đi khỏi địa phương, từ đó đến nay ông T không về thăm gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhiều lần để bà N và ông T đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh năm 1989 và Huỳnh Thanh H, sinh năm 1990. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với ông Huỳnh Công T.

2. Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu số 009866 ngày 13/12/2016 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã XĐ, huyện XL, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA

Nguyễn Xuân Quang